

Bản án số: 17/2024/HSST
Ngày 29-3- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thiết Hùng**;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phan Thị Gái**;

Ông **Nguyễn Văn Thảo Nguyễn**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Hồng Huệ**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Kim Lành**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Đoàn Thị L, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1971 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: **Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**. Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Buôn bán, Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ. Con ông: **Đoàn Q** (đã chết); Con bà: **Đặng Thị V** (đã chết); Chồng: **Trương Đức H** (đã chết); Con: có 02 người con; lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 16/8/1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 tháng tù về tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2023 đến ngày 25/10/2023 thì được thay thế biện pháp bảo lãnh, hiện nay bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Nguyễn Thị T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1995 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: **Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**. Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Buôn bán, Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ. Con ông: **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1965; Con bà: **Đoàn Thị T1**, sinh năm 1968; Chồng: **Nguyễn V1** (bị cáo trong cùng vụ án); Con: có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2023 đến ngày 09/9/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. **Nguyễn V1**, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1982 tại Quảng Trị; nơi cư trú: **Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Buôn bán, Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông: Không rõ; Con bà: **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1946; Vợ: **Nguyễn Thị T** (bị cáo trong cùng vụ án); Con: có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2023 đến ngày 09/9/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đoàn Thị T1**; địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà **Võ Thị B**; địa chỉ: **Khu phố L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 40 ngày 30/8/2023, tại nhà **Đoàn Thị L** ở **Khu phố L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**, **Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Q**, phối hợp với **Công an thành phố Đ** đã phát hiện, bắt quả tang **Nguyễn V1**, **Nguyễn Thị T** đang có hành vi giao cho **Đoàn Thị L** 18 hộp pháo.

Quá trình điều tra, **Đoàn Thị L**, **Nguyễn Thị T**, **Nguyễn Vĩnh k** nhận:

Đoàn Thị L làm nghề kinh doanh tự do. Khoảng đầu năm 2023, **L** đến thuê căn nhà cấp 4 ở **Khu phố L, phường Đ, TP Đ** của chị **Nguyễn Thị Phương L2** để vừa ở vừa cất giấu pháo mà **L** mua gom từ nhiều nguồn về tập kết, đóng gói rồi bán lại cho nhiều người ở nhiều tỉnh thành khác nhau khi có nhu cầu.

Ngày 30/8/2023, **L** đến nhà gặp **Nguyễn Thị T** ở **thôn T, xã T** để hỏi thuê **T** vận chuyển 18 hộp pháo về nhà trọ của **L**. **L** và **T** thỏa thuận giá vận chuyển 18 hộp pháo từ **T- H về Đ** là 700.000 đồng. Lai liên hệ người giao pháo chủ động đưa pháo đến nhà cho **T**. Sau đó, **L** về nhà trọ ở **thành phố Đ** chờ nhận hàng.

Khoảng 16 giờ 30 ngày 30/8/2023, **Nguyễn Vĩnh đ** làm về thì được **T** trao đổi nhờ **V1** vận chuyển pháo về **Đ** cho **L** (**T** không nói cho **V1** biết tổng số pháo mà **T** nhận vận chuyển là bao nhiêu). **V1** đồng ý thực hiện. Lúc này, một đối tượng nữ điều khiển xe mô tô hiệu HondaWave màu đen đến đặt 01 bao gai hàng tại sân nhà của vợ chồng **T**. **T** nói **V1** chủ động nhận hàng, đóng gói pháo lên xe để vận chuyển. **V1** sử dụng xe mô tô 74H1-308.13 lấy 06 hộp pháo bỏ vào bao nilon màu xanh trong suốt rồi thắt nút miệng bao lại sau đó bỏ vào 01 túi vải đen lớn đặt ở bệ để chân của xe, 01 túi vải đen (đựng 01 hộp pháo) **Vĩnh** mang trên vai và 02 hộp pháo (đựng trong bao gai màu xanh, không thắt nút) đặt trong cốp rồi vận chuyển về **thành phố Đ**. Khoảng 17 giờ, đối tượng nữ nói trên tiếp tục điều khiển 01 xe mô tô khác hiệu Yamaha Nouvo đến nhà **T** đặt 01 bao gai chứa hàng tại vị

trí cũ. **T** nhận và đóng gói 09 hộp pháo lên xe mô tô BKS 74C1-359.22 (xe của bà **Đoàn Thị T1**- Mẹ của **T**) như sau: 06 hộp để trong bao ni lông màu xanh bỏ vào bao gai màu xanh rồi lồng bao nilon màu đỏ phía ngoài (không buộc thắt nút) đặt ở bệ để chân của xe; 01 hộp đựng trong túi da màu nâu đen đặt trên 06 hộp nói trên; 02 hộp đựng trong bao nilon màu đen đặt ở cốp xe rồi điều khiển về **TP Đ**. Quá trình di chuyển, **T** có liên lạc với **L** để xác nhận.

Khoảng 18 giờ 40 cùng ngày, Nguyễn Vĩnh điều khiển xe mô tô BKS 74H1-308.13 về đỗ ở sát cửa nhà trọ của **L**, mang 02 túi vải (01 túi đựng 06 hộp pháo và 01 túi đựng 01 hộp pháo) vào nhà đặt ở góc tường bên trái; **Nguyễn Thị T** vừa điều khiển xe mô tô BKS 74C1-359.22 đến nhà trọ của **L**. Lúc này **L** đang ở trong nhà thì bị Phòng Cảnh sát kinh tế phối hợp với **Công an thành phố Đ** phát hiện, bắt quả tang.

- Cơ quan điều tra đã thu giữ: 114 hộp pháo hoa nổ, 05 bao pháo nổ dạng bi cầu, 06 hộp pháo nổ dạng dây chuỗi. Trong đó:

+ Tại nhà trọ **L** thuê ở **khu phố L, phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Trị**: 26 hộp pháo hoa nổ, 05 bao pháo nổ dạng hình cầu, 06 hộp pháo nổ dạng dây chuỗi; 20 hộp pháo hoa nổ do bà **Võ Thị Bàn giao n**; 09 hộp pháo hoa nổ do **T** vận chuyển; 09 hộp pháo hoa nổ do **V1** vận chuyển;

+ Tại kho hàng Lai thuê ở **thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**: 23 hộp pháo hoa nổ;

+ Tại nhà riêng của **L** ở **thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**: 08 hộp pháo hoa nổ;

+ Tại khu vực nhà **T** - **V1** đang ở: 19 hộp pháo hoa nổ.

* Ngoài số pháo trên, vật chứng thu giữ gồm có:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision màu trắng BKS: 74H1-308.13 và giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô có số: 74004345 cấp ngày 20/12/2021 mang tên **Nguyễn Thị T**;

- 01 (một) xe mô tô hiệu SYM Attila màu đỏ đen mang BKS 74C1-359.22 và giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô có số 028723 cấp ngày 08/02/2017 mang tên **Nguyễn Thị Thùy D**.

- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 451142000890 cấp ngày 11/4/2014 cho **Nguyễn Thị T**;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, có gắn 01 thẻ sim Viettel số seri: 8984048000332403959 và gắn 01 thẻ sim Mobifone số seri: 8401181133063442WD, máy ở chế độ tắt nguồn; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu trắng, có ốp lưng màu trắng, có gắn 01 thẻ sim Viettel số seri: 8984048008823833890 và 01 thẻ sim Vinaphone số seri: 89840200010694567256, máy ở chế độ tắt nguồn (của **Đoàn Thị L**);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo có gắn thẻ sim Viettel số seri: 8984048000382151650, máy ở chế độ tắt nguồn (của **Nguyễn Thị T**);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng đen, có gắn 01 thẻ sim Viettel số seri: 8984048000382434148, máy ở chế độ tắt nguồn (của **Nguyễn V1**);

Tại bản kết luận giám định số: 881/KL-KTHS ngày 08/9/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh Q** xác định: 114 hộp pháo hoa nổ, 05 bao pháo nổ dạng bi cầu, 06 hộp pháo nổ dạng dây chuỗi được gửi giám định là pháo hoa nổ, pháo nổ có tổng khối lượng là: 174,9kg.

Cáo trạng số 09/CT-VKSQT-P1 ngày 29/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo **Đoàn Thị L** về tội “*Buôn bán hàng cấm*” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự; các bị cáo **Nguyễn Thị T**, **Nguyễn Vĩnh** về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo **Đoàn Thị L**, **Nguyễn Thị T**, **Nguyễn Vĩnh**. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Đoàn Thị L** phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”; các bị cáo **Nguyễn Thị T**, **Nguyễn Vĩnh** phạm t “*Vận chuyển hàng cấm*”;

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 35 BLHS xử phạt **Đoàn Thị L** phạt tiền từ 1.000.000.000đ đến 1.200.000.000đ.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt **Nguyễn Thị T** từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng;

- **Nguyễn Vĩnh** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng.

* Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo hoa nổ, pháo nổ và các bao gói cơ quan giám định hoàn trả được niêm phong trong các thùng giấy có ký hiệu từ P1 đến P13 và các ký hiệu KX1, KX2, KX3, KX1-kho, KXL1, HX2 hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng **Công an tỉnh Q**.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước các tài sản tạm giữ có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo gồm:

+ Của **Nguyễn Thị T**: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision màu trắng BKS: 74H1-308.13 và giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô có số: 74004345 cấp ngày 20/12/2021 mang tên **Nguyễn Thị T**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo có gắn thẻ sim Viettel số seri: 8984048000382151650.

+ Của **Đoàn Thị L**: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, có gắn 01 thẻ sim Viettel số seri: 8984048000332403959 và gắn 01 thẻ sim Mobifone số seri: 8401181133063442WD, máy ở chế độ tắt nguồn; 01 (một) điện

thoại di động nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu trắng, có ốp lưng màu trắng, có gắn 01 thẻ sim Viettel số seri: 8984048008823833890 và 01 thẻ sim Vinaphone số seri: 89840200010694567256.

- Trả lại các tài sản:

+ Cho bà **Đoàn Thị T1** 01(một) xe mô tô hiệu SYM Attila màu đỏ đen mang BKS 74C1-359.22 và giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô có số 028723 cấp ngày 08/02/2017 mang tên **Nguyễn Thị Thùy D.**

+ Cho **Nguyễn Thị T:** 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 451142000890 cấp ngày 11/4/2014 cho **Nguyễn Thị T;**

+ Cho **Nguyễn V1;** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng đen, có gắn 01 thẻ sim Viettel số seri: 8984048000382434148.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào lúc 18 giờ 40 ngày 30/8/2023, tại nhà trọ của **Đoàn Thị L** ở **Khu phố L, phường Đ, thành phố Đ** lực lượng chức năng bắt quả tang **Nguyễn V1, Nguyễn Thị T** đang có hành vi giao cho **Đoàn Thị L** 18 hộp pháo. Quá trình khám xét tại các điểm cất giấu phát hiện nhiều hộp pháo hoa nổ các loại. Tổng cộng số pháo hoa nổ, pháo nổ phát hiện là: 114 hộp pháo hoa nổ, 05 bao phá nổ dạng bi cầu, 06 hộp pháo nổ dạng dây chuỗi, tổng khối lượng là: **174,9kg**. Bị cáo **Đoàn Thị L** khai nhận toàn bộ số pháo trên bị cáo mua nhằm mục đích bán cho người khác để kiếm lời nên hành vi của bị cáo **Đoàn Thị L** phạm vào tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Đoàn Thị L thuê **Nguyễn Thị T** vận chuyển 18 hộp pháo từ **H về Đ** với giá 700.000 đồng, do số lượng pháo nhiều sợ bị công an phát hiện nên **T** nói với **Nguyễn V1** vận chuyển 09 hộp pháo còn **T** vận chuyển 09 hộp. Thương phải chịu trách nhiệm hình sự với 18 hộp pháo có trọng lượng 24,4kg; **V1** chịu trách nhiệm hình sự với 9 hộp pháo có trọng lượng 12,2kg. Hành vi của bị cáo **Nguyễn Thị T,**

Nguyễn Vĩnh p vào tội “*Vận chuyển hàng cấm*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm lớn cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh doanh buôn bán, vận chuyển những mặt hàng pháp luật cấm, làm ảnh hưởng đến sự bình thường của hoạt động quản lý nhà nước về pháo và sử dụng pháo. Đảng và Nhà nước đã có nhiều hình thức tuyên truyền về tác hại của pháo nổ cũng như các chế tài nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm liên quan đến pháo nổ tuy nhiên, các bị cáo vẫn coi thường và cố ý vi phạm.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo L tự khai báo về việc cất giấu pháo ở các địa điểm khác nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Tự thú*” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo T, bị cáo V1 thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng, tang vật thu giữ ít nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS;

[4] Xét vai trò các bị cáo, HĐXX thấy trong vụ án này có đồng phạm, bị cáo L có vai trò chính, chủ mưu trực tiếp liên hệ thuê T vận chuyển pháo nổ V1 đồng phạm với vai trò người thực hành, nên cần xem xét khi lượng hình.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như thân nhân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không chịu tình tiết tăng nặng.

Đối với bị cáo L cần xem xét thêm hoàn cảnh gia đình bị cáo neo đơn, chồng bị cáo mất sớm, các con của bị cáo hiện đang còn học Đại học, bản thân bị cáo phải vừa chăm sóc cho các con vừa phải lao động nuôi sống gia đình. Do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo V1, bị cáo T không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục, tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Các đối tượng đã bán pháo cho L tại Chợ T4 và đối tượng giao pháo tại nhà T- V1, quá trình điều tra không xác định được nên không có cơ sở để xử lý.

- Bà Đoàn Thị T1 là chủ sở hữu xe mô tô hiệu SYM Attila BKS 74C1-359.22, bà T1 cho L mượn xe nhưng không biết việc vận chuyển pháo nên không phải chịu trách nhiệm.

- Cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ pháo nổ trên đất của ông Phan Văn K; bà Nguyễn Thị Phương L2 - chủ nhà trọ cho L thuê ở khu phố L, phường Đ cũng như bà Trịnh Thị T2 - chủ kho hàng Lai thuê ở thôn H, xã T, huyện T đều không biết việc L cất giấu pháo nổ để bán lại cho người khác nên không có căn cứ để xử lý.

- Bà Võ Thị B không biết 02 thùng hàng mà L gửi có chứa pháo hoa nổ nên không xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Số pháo hoa nổ, pháo nổ và các bao gói cơ quan giám định hoàn trả được niêm phong trong các thùng giấy có ký hiệu từ P1 đến P13 và các ký hiệu KX1, KX2, KX3, KX1-kho, KXL1, HX2 hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Công an tỉnh Q cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, có gắn 01 thẻ sim Viettel số seri: 8984048000332403959, gắn 01 thẻ sim Mobifone số seri: 8401181133063442WD và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu trắng, có ốp lưng màu trắng, có gắn 01 thẻ sim Viettel số seri: 8984048008823833890 và 01 thẻ sim Vinaphone số seri: 89840200010694567256 của bị cáo Đoàn Thị L liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo có gắn thẻ sim Viettel số seri: 8984048000382151650 của Nguyễn Thị T bị cáo sử dụng liên lạc vận chuyển hàng cấm nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision màu trắng BKS: 74H1-308.13 và giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô số: 74004345 cấp ngày 20/12/2021 mang tên Nguyễn Thị T, bị cáo Nguyễn V1 sử dụng làm phương tiện vận chuyển hàng cấm nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng đen thu giữ của bị cáo V1, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila, màu sơn: đỏ, mang biển kiểm soát: 7401-359.22 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 028723, cấp ngày 08/02/2017 cho Nguyễn Thị Thùy D, bà D đã bán cho bà Đoàn Thị T1 chưa sang tên, bà T1 cho bị cáo L mượn sử dụng hàng ngày nhưng không biết bà L sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bà Đoàn Thị T1.

- Trả lại cho Nguyễn Thị T 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 451142000890 cấp ngày 11/4/2014 mang tên Nguyễn Thị T;

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Đoàn Thị L** phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị T, Nguyễn Vĩnh phạm t** “*Vận chuyển hàng cấm*”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Đoàn Thị L 1.100.000.000** đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị T 12 (Mười hai)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách **24 (Hai bốn)** tháng, tính từ ngày tuyên án (29/3/2024).

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Nguyễn Vĩnh 0 (Chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách **18 (Mười tám)** tháng, tính từ ngày tuyên án (29/3/2024).

Giao các bị cáo **Nguyễn Thị T, Nguyễn Vĩnh** cho **Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị** giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu, tiêu hủy: Số pháo hoa nổ, pháo nổ và các bao gói cơ quan giám định hoàn trả được niêm phong trong các thùng giấy có ký hiệu từ P1 đến P13 và các ký hiệu KX1, KX2, KX3, KX1-kho, KXL1, HX2 hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng **Công an tỉnh Q.**

* Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, có gắn 01 thẻ sim Viettel số seri: 8984048000332403959 và gắn 01 thẻ sim Mobifone số seri: 8401181133063442WD được niêm phong trong 01 (một) Bì thư dán kín niêm phong ký hiệu P14, bên ngoài có chữ ký ghi họ tên **Nguyễn Anh T3, Lê Xuân M** và hình dấu **Phòng K1 Công an tỉnh Q.** (kèm theo Kết luận giám định số: 03/KL-KTHS ngày 15/12/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh Q.**)

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng màu trắng, có ốp lưng màu trắng, có gắn 01 thẻ sim Viettel số seri: 8984048008823833890 và 01 thẻ sim Vinaphone số seri: 89840200010694567256 được niêm phong trong 01 (một) Bì thư dán kín niêm phong ký hiệu P17, bên ngoài có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Anh T3, Lê Xuân M và hình dấu Phòng K1 Công an tỉnh Q. (kèm theo Kết luận giám định số: 03/KL-KTHS ngày 15/12/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo có gắn thẻ sim Viettel số seri: 8984048000382151650 được niêm phong trong 01 (một) Bì thư dán kín niêm phong ký hiệu P15, bên ngoài có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Anh T3, Lê Xuân M và hình dấu Phòng K1 Công an tỉnh Q. (kèm theo Kết luận giám định số: 03/KL-KTHS ngày 15/12/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q).

- 01 (một) Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu sơn: trắng nâu đen, mang biển kiểm soát: 74H1-308.13, số khung: RLHJK0315MZ359557, số máy: JK03E- 6071803 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 74 004345, cấp ngày 20/12/2021 cho Nguyễn Thị T, địa chỉ: T, T, H, Quảng Trị, biển số đăng ký: 74H1-308.13;

* Trả lại cho bị cáo Nguyễn Vĩnh 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng đen, có gắn 01 thẻ sim Viettel số seri: 8984048000382434148 được niêm phong trong 01 (một) Bì thư dán kín niêm phong ký hiệu P16, bên ngoài có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Anh T3, Lê Xuân M và hình dấu Phòng K1 Công an tỉnh Q. (kèm theo Kết luận giám định số: 03/KL-KTHS ngày 15/12/2023 của P Công an tỉnh Q).

* Trả lại cho bà Đoàn Thị T1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila, màu sơn: đỏ, mang biển kiểm soát: 7401-359.22, số khung: RLGKA 12HDAD030103, số máy: VMVTBB-D030103 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 028723, cấp ngày 08/02/2017 cho Nguyễn Thị Thùy D, địa chỉ: Khu phố G, phường E, Đ: biển số đăng ký: 74C1-359.22.

* Trả lại cho Nguyễn Thị T 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 451142000890 cấp ngày 11/4/2014 mang tên Nguyễn Thị T;

(Vật chứng trên hiện có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27 tháng 02 năm 2024).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc các bị cáo Đoàn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Vĩnh m người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam- CA tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thiết Hùng